



Tản Mãn về Mai

Sao Khuê

Thiền sư Mãn Giác có một bài thơ nổi tiếng làm khi ngài bị bệnh:

Cáo tật thị chứng

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự dứt nhãn tiền quá
Lão tông đầu thương lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Bài thơ đã được dịch là :

Có bệnh báo mọi người

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân tới trăm hoa nở
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua hiển trước một cành mai.

Lại cũng có một bài thơ cổ khác nói về một cành mai (nhất chi mai), đặc biệt bài thơ này chỉ có mười chữ làm thành ' Vĩ tình lai ký nhất chi mai hữu biệt hoài ' có nghĩa là ' Vĩ tình gửi tới một cành mai tỏ nhớ nhung' mà có thể xếp thành bài thơ tứ tuyệt là:

Vĩ tình lai ký nhất chi mai
Ký nhất chi mai hữu biệt hoài
Hoài biệt hữu mai chi nhất ký
Mai chi nhất ký vĩ tình lai
Sao Khuê xin dịch là:
Vĩ tình gửi tới một cành mai
Gửi tới cành mai tỏ nhớ hoài
Nhớ hoài một cành mai gửi tới
Cành mai gửi tới tỏ tình ai .

Qua hai bài thơ trên thì MAI là hoa mai, loài hoa thường chỉ nở và được nhắc đến khi xuân về. Hồi xưa, có nhiều người quá bận công kia chuyện nọ mà quên cả thời gian 'đồn anh đóng bên rừng mai nếu mai không nở anh đâu biết xuân về hay chưa....'vậy thì xuân về, mai nở và mai nở xuân về, có xuân là có mai. Những cành mai xum xuê hoa vàng rực rỡ nở ở góc vườn báo hiệu xuân về nên ngày còn ở Việt nam, nhà nào có mảnh vườn cũng ráng trồng cây mai để mỗi năm xuân về Tết đến đón xuân; nhà nào không có vườn thì dù giàu hay nghèo cũng ráng mua lấy cành mai về chưng ngày Tết, vì mai, phát âm theo giọng người miền Nam đồng âm với may-may mắn –và chẳng ai bảo ai, mọi người đều tin hoa mai đem lại may mắn, thịnh vượng cho năm mới.

Mai trồng và mọc ở miền nam VN để đón xuân thường có màu vàng rực rỡ mà mọi người đều gọi tắt là hoa mai. Hoa mai hay hoàng mai (mai vàng) có tên khoa học là *Ochna integerrima*, họ *Ochnaceae*, thường chỉ có sắc vàng mà không có hương, tuy vậy hoàng mai ở Huế lại có mùi thơm thoang thoảng..

Hoa mai còn có màu trắng, nhị cũng vàng gọi là bạch mai, còn rất ít ở miền Nam, có mùi thơm thoang thoảng, có lẽ ngày xưa mọc rất nhiều ở khu đồn Bạch Mai hay khu nhà thương Bạch Mai ở Hà Nội



*Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc
Thanh cao phô trắng một cành mai
(Tản Đà)*

Trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du có câu:

*Thiền trà cạn nước hồng mai
Thong dong nói gót thư trai cùng về.*

theo đó hồng mai là một loại cây trà trên núi, sắc đỏ lợt, lá nhỏ hơn lá trà Tàu, hoa nở từ tháng chạp đến tháng hai, đồng thời với hoa mai nên gọi là trà mai hay hồng mai. Cũng có sách cho là nước sắc của gỗ cây mai già có màu đỏ hồng nên gọi là hồng mai.

Thủy mai có hoa màu trắng phơn phớt tím, thoang thoảng mùi thơm, khi trồng gần nước thì cây hoa ngã mình về phía mặt nước và đơm hoa nhiều hơn nên còn gọi là mai chiếu thủy. Thủy mai thân nhỏ không thể cắt cành để cắm nên khi trồng phải trồng nguyên cây trong chậu.

Nhiều người cũng thích trồng mai tứ quý, loại này cũng trồng nguyên cây chứ không cắt cành để cắm. Gọi là tứ quý vì mai nở cả bốn mùa, hoa màu vàng nở vào buổi sáng, đến chiều thì cánh hoa rụng xuống, đài hoa khép lại rồi vài ngày sau lại nở ra, đài hoa lúc đó thành cánh hoa màu đỏ sẫm và nhị hoa trở thành những hạt hoa có màu xanh khi còn non và màu đen khi đã già; hạt đen này rụng xuống đất lại mọc cho cây hoa mai mới. Mai tứ quý không có hương và ít hoa nhưng nhiều người ưa trồng vì có hoa quanh năm và hoa lại nở hai lần với hai màu khác nhau. Muốn có hoa nhiều cũng phải tỉa lá như mai vàng.

Mai khô hoa lại là một loại hoa hồng còn gọi là mân cô hay mai khô có sách nói là để ướp hương cho trà hồng mai



Mai tơ hay mai đào (tên Hán là kim lâu mai) tên Pháp là Hamamélis, tên khoa học là Hamamelis mollis thuộc họ Hamamelidaceae.

Mai cũng còn là cây mận (prunus mume), người Hoa gọi là mai, thuộc họ Rosaceae đầu xuân nở hoa, có hai thứ trắng và đỏ. Thứ trắng gọi là lục ngọc mai, nở hết hoa rồi mới nẩy lá, quả chua, chín thì vàng; các vùng đông nam Trung Quốc gần biển, đầu mùa hè đổi gió hay mưa vừa lúc mơ chín nên lúc này gọi là mai tiết (mùa mơ chín). Khi xưa Tào Tháo đã gạt quân sĩ là trước mắt có rừng mai (mơ) để giúp đoàn quân tưởng tượng đến vị chua của quả mơ rồi chảy nước miếng mà quên cơn khát. Trong Kiều của Nguyễn Du cũng có câu 'quả mai ba bẩy đang vừa' chỉ quả mơ. Nguyễn Bính cũng có bài thơ 'thơ thần rừng mơ cô hái mơ...'

Hoa mai được coi là một trong tứ quý: Mai, Lan, Cúc, Trúc.

Trường nữ trung học Gia Long ở Sài Gòn ngày xưa đã chọn đóa mai vàng làm phù hiệu gắn trên áo cho các nữ sinh vì hoa mai chẳng những tượng trưng cho mùa xuân tươi trẻ của tuổi học trò mà mai còn hàm nghĩa 'mai cốt cách tuyết tinh thần' chỉ cốt cách thanh cao của loài hoa được tôn là quân tử chi hoa và tinh thần thì

trắng tinh như tuyết. 'Mai cốt cách' (tuyệt tinh thần) là dáng người thanh quý như hoa mai nhưng dù người ta bảo 'yếu như liễu, gầy như mai, trắng như tuyết...' thì người mang tên Mai thường có xương cốt thuộc loại cao lớn tuy không mập mạp chứ thực sự ít ai có cái 'nét buồn như cúc điệu gầy như mai'.

Cao bá Quát, một thi sĩ bất khuất, tài danh, đã ngả bút chêm thơ của các vương hầu ở đất Thần Kinh là có mùi nước mắm: "ngán thay cái mũi vô duyên, câu thơ Thi Xã con thuyền Nghệ An" nhưng lại chịu một đời cúi đầu trước hoa mai "nhất sinh để thủ bái hoa mai", không hiểu nhà thơ cách mạng này cúi đầu trước đóa hoa mai hay cúi đầu trước một người đẹp nào đó có tên là Mai vì Mai thường dùng để đặt tên cho cả con trai lẫn con gái, nhất là con gái: Hoàng Mai, Bạch Mai, Thủy Mai, Thúy Mai, Diễm Mai, Huỳnh Mai, Quỳnh Mai, Liễu Mai, Như Mai, Ngọc Mai, Yên Mai, Túy Mai v.v.. tuy vậy quý vị chớ có đặt tên con là Dương Mai kẻo có người lại liên tưởng đến bệnh dương mai (giang mai) là một bệnh phong tình mà người ta nghĩ là do Dương Quý Phi (Dương Quý phi tên là Mai) mà ra.

Mai chẳng những dùng để đặt tên mà còn dùng làm họ cho nhiều người (Mai Thúc Loan tức Mai Hắc Đế). Quý vị nào mang tên là Mai nên nhớ rằng ngoài ý nghĩa là một loài hoa, mai còn có nghĩa là một loại ngọc tốt (mai khôi).

Mai quế lộ là tên một loại rượu của Tàu có nghĩa là sương hoa mai và hoa quế

Mai còn là cây bương. Bương là một loại tre rừng (tre măng tông, giang hay nứa) họ poaceae, có thân to dùng làm cột nhà được. Cây bương khi già có hoa giống như bông lau thường được bó lại, dùng làm chổi để quét gọi là chổi bông mai. Măng của cây bương to và mập gọi là măng mai như trong bài Lĩnh thú:

... Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hỏa mai,
Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền.
Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa.
Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thời canh điểm, tối dồn việc quan.
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai!
Miệng ăn măng trúc măng mai,
Những giang cùng nứa lấy ai bạn cùng!
Nước giếng trong con cá nó vấy vùng...



Mai (cây bương) và Trúc (cây trúc) có những đốt thẳng (đốt theo chữ Hán là tiết, chữ tiết nghĩa là đốt cũng có nghĩa là lòng dạ, tiết tháo) nên trúc mai chỉ người có lòng dạ ngay thẳng, suốt đời không thay lòng đổi dạ và không quanh co nên trúc mai chỉ người bạn tình chung thủy:

Trúc nhớ mai, mai về nhớ trúc
Trúc về rồi, mai nhớ trúc không?
Bây giờ kẻ bắc người đông
Kể sao cho hết tấm lòng tương tư.
hay như trong Kiều của Nguyễn Du:
Hồn còn mang nặng lời thề
Nát thân bỏ liễu đền ghi trúc mai...

Từ đó mai còn có nghĩa là mai mối. Chuyện kể có một giống trúc mọc bên đầm 'Đổ phụ đầm' (đầm đánh đổ được vợ) vì ngày xưa có hai trẻ trai gái lúc còn nhỏ chơi với nhau rất thân thiết, sợ lớn lên phải xa nhau nên lấy một lóng trúc chẻ làm hai, cắm mỗi người một nửa xuống đầm mà nguyện rằng nếu hai nửa đó kết lại làm một thì sau này được nên duyên chồng vợ... Hai mảnh trúc trôi xuôi rồi kết lại với nhau và hai cô cậu thì sau này nên duyên chồng vợ; giống trúc mọc bên bờ đầm này mang tên là mai trúc nên người làm mai cho hai bên nên vợ nên chồng gọi là ông mai hay bà mai (...nhưng em chưa lấy ai vì thầy bảo bà mai rằng em còn nhỏ lắm ý đợi người tài trai ...)

Làm mai là một việc ngu nhất vì sau khi người ta nên vợ nên chồng thì những lúc cơm không lành canh không ngọt, ông bà mai thường bị đem ra trách móc nên có câu rằng:

*Ở đời có bốn cái ngu
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.....*

Mai còn là cái 'lưng' của con rùa (mai rùa), con cua, con còng, con ghẹ .

Hàm mai là cái khớp miệng ngựa để cho ngựa không kêu khi cưỡi ngựa đi đêm, muốn giữ bí mật (như vua Quang Trung trong chiến dịch đại phá quân Thanh thì ngựa phải tháo nhạc, đóng hàm (hàm mai) và người phải ngậm tằm (theo Đào Duy Anh).

Mai còn nghĩa là chôn, là dấu như mai một(chôn mất đi), mai danh ần tích (chôn tên,dấu tung tích tức là đi ần), mai cốt bất mai danh (chôn xương không chôn tiếng), mai đầu (chúi đầu mà học, không lý gì đến việc khác), mai táng (chôn người chết), mai u (chôn cái buồn xuống đất), mai tàng (chôn dấu cho biến đi), mai ngọc trầm châu (chôn ngọc xuống đất và làm chìm châu dưới nước ý nói người con gái đẹp tạ thế), mai ngọc thụ (chôn cây ngọc, ý nói người hiền chết thật đáng tiếc), mai phục (quân lính núp sẵn để đánh úp).

Vì mai là chôn nên một dụng cụ đào đất có tên là cái mai (một mai, một cuốc, một cần câu...).

Theo chữ Hán, mai còn là cái mốc từ chữ mai là mốc hay là bụi bay mù khi có gió to.

Mai cũng có nghĩa là từng cái, từng chiếc, một cái thẻ, một thân cây.

Mai còn dùng để chỉ thời gian. Ngày mai là ngày sau ngày hôm nay. Mai kia một nọ hay mai sau là một ngày mai nào đó trong tương lai:

*Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này
(Kiều)*

Trong chuyện 'Nửa chừng xuân' của Khái Hưng, cụ Hàn Thanh tán tỉnh và đòi cưới cô Mai, con gái người bạn học cũ là cụ Tú Ninh Bắc; cụ hàn Thanh đã rất thú vị tìm ra câu hên hò ' vậy mai, Mai nhé'.

Sao Khuê cũng có một người bạn biết lợi dụng chữ mai lắm nghĩa này mà làm bốn câu thơ:

*Ngày 'mai' không trở lại
Lòng chôn dưới vực sâu
Gửi gió lời trần trối
Giã từ cuộc tình sầu....*

Vì 'mai' không trở lại nên cuộc tình sầu, nhưng nếu cưới được 'mai' làm vợ thì sẽ sinh con 'hạc': mai thê, hạc tử, lúc đó đời sống thật sự là tiêu dao nơi núi ngàn, mây nội, thong dong...không nhà (homeless) có rừng mai làm vợ và có chim hạc làm con...

Trong thơ văn, 'mai' cũng đem lại nhiều cảm hứng để dệt nên những vần thơ, nốt nhạc về mai. Những áng văn, thi tập có tên mai như 'Nhị đô mai', 'Mai đình mộng ký', 'Mai am thi tập', ' Vịnh lĩnh mai ' v..v..và vì có xuân là có mai hay có mai là có xuân nên bia báo xuân, thiệp xuân có hình hoa mai nở từng bùng màu vàng rực rỡ.

Sống ở ngoại quốc, nhiều người vẫn đi tìm lại hương xưa bằng cách gây lại những chậu mai vàng hay mai tứ quý. Ở Mỹ và Canada, khi xuân về cũng có mai vàng rực rỡ nhưng là mai ... Mỹ.

Đó là cây Forthysia, tức cây Liên kiều cho hoa màu vàng như hoa mai nhưng cánh nhọn chứ không tròn, theo thiên ý thì không đẹp bằng hoa mai vàng dù về mùa xuân Forthysia cũng kết nụ đơm bông vàng rực rỡ nhìn xa cũng giống như mai vàng, khi hoa tàn thì mới ra lá giống như mai.



Mai được người Trung Quốc trân quý vì mai chịu lạnh mùa đông mà đem hoa mang cái đẹp đến cho người nên nhiều người không quản ngại mà 'đạp tuyết tìm mai '

Người Việt mình chuộng hoa mai vì hoa đẹp, đem lại may mắn (do đọc chại mai là may):

*Em như tổ nữ trong tranh
Anh như ngọn bút chấm cành hoa mai*

hay :

*Canh ba sương nhuộm cành mai
Bóng trắng em ngỡ bóng ai mơ màng.*

Mai được trồng trong vườn và mai cũng mọc trong rừng nên mai làm bạn với mọi người từ lúc còn trẻ thơ, lúc trưởng thành vào mỗi độ xuân về và ngay cả những người rút chân khỏi vòng danh lợi mà 'nghêu ngao vui thú sơn hà' vẫn có 'mai là bạn cũ, hạc là người quen'.....

Sao Khuê (tên Quỳnh Mai)